

Số: /KH-UBND

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân; Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 16/5/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị, Nghị quyết số 198/2025/QH15 ngày 17/8/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân (viết tắt là Nghị quyết số 198/2025/QH15), Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 198/2025/QH15 (viết tắt là Nghị định số 20/2026/NĐ-CP), UBND Thành phố ban hành Kế hoạch tổ chức triển khai thực hiện như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Tổ chức triển khai kịp thời, đồng bộ và hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc biệt phát triển kinh tế tư nhân theo Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ trên địa bàn Thành phố Hà Nội.
- Tạo lập môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch; hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh phát triển bền vững, nâng cao năng lực cạnh tranh, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
- Nâng cao trách nhiệm của các sở, ban ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường trong tổ chức thực hiện chính sách; bảo đảm việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng quy định, công khai, minh bạch và hiệu quả.

2. Mục tiêu cụ thể

- Bảo đảm tổ chức triển khai đồng bộ, thống nhất và hiệu quả các chính sách hỗ trợ của Nhà nước về đất đai, thuế, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và đào tạo nguồn nhân lực; thực hiện đúng đối tượng thụ hưởng, đúng mục tiêu, đúng trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật; kịp thời hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện nhằm nâng cao khả năng tiếp cận chính sách của doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân. Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ban ngành, UBND các xã, phường trong tổ chức thực hiện và giám sát chính sách.

- Tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành, liên cấp giữa các sở, ban ngành và UBND các xã, phường trong công tác tham mưu, tổ chức thực hiện, theo dõi, kiểm tra và giám sát việc thực hiện các chính sách hỗ trợ; xác định rõ trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị chủ trì và phối hợp; bảo đảm thông tin được trao đổi kịp thời, thống nhất, hạn chế chồng chéo, trùng lặp hoặc bỏ sót nhiệm vụ.

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với công khai, minh bạch trong tiếp cận chính sách hỗ trợ, trọng tâm là rà soát, đơn giản hóa quy trình, hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tiếp nhận, xử lý và trả kết quả; công khai đầy đủ điều kiện, trình tự, thủ tục, thời hạn và kết quả giải quyết trên các cổng thông tin điện tử, tạo thuận lợi tối đa cho tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

II. YÊU CẦU

- Việc tổ chức triển khai Kế hoạch phải bám sát mục tiêu, nội dung, nguyên tắc, đối tượng và điều kiện hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ và các văn bản pháp luật có liên quan; bảo đảm đúng thẩm quyền, đúng đối tượng, công khai, minh bạch và hiệu quả.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban ngành, UBND các xã, phường và các đơn vị có liên quan; xác định rõ cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp, trách nhiệm của người đứng đầu trong tổ chức thực hiện; gắn trách nhiệm với tiến độ, chất lượng và kết quả thực hiện từng nhiệm vụ, nội dung của Kế hoạch.

- Việc triển khai các nhiệm vụ phải bảo đảm đúng tiến độ theo lộ trình đề ra; chủ động bố trí nguồn lực, phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện; kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các vấn đề phát sinh nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chính sách hỗ trợ.

- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác tiếp nhận, giải quyết và quản lý các nội dung hỗ trợ; ưu tiên thực hiện hỗ trợ theo phương thức điện tử; đơn giản hóa quy trình, thủ tục hành chính, hạn chế tối đa việc phát sinh thủ tục, giấy tờ không cần thiết, tạo thuận lợi cho tổ chức, cá nhân thụ hưởng chính sách.

- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình và kết quả triển khai Kế hoạch; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo UBND Thành phố về tiến độ thực hiện, những khó khăn, vướng mắc phát sinh; kịp thời đề xuất giải pháp, kiến nghị điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với thực tiễn và quy định pháp luật.

III. NỘI DUNG THỰC HIỆN

1. Tuyên truyền, phổ biến chính sách

- Tổ chức tuyên truyền, phổ biến kịp thời, đầy đủ và thống nhất các nội dung của Nghị quyết số 198/2025/QH15 của Quốc hội và Nghị định số 20/2026/NĐ-CP của Chính phủ đến cộng đồng doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh trên địa bàn Thành phố; trong đó tập trung làm rõ các chính sách hỗ trợ, ưu đãi, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quyền, nghĩa vụ liên quan.

- Đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, phổ biến chính sách thông qua việc tổ chức hội nghị, hội thảo, tập huấn chuyên đề; lồng ghép nội dung tuyên truyền trong các chương trình làm việc với doanh nghiệp; đăng tải, xây dựng chuyên mục tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, nền tảng Công dân Thủ đô số - iHanoi, trang thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và các phương tiện thông tin đại chúng.

- Công khai, minh bạch và cập nhật đầy đủ thông tin về đối tượng, điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ, cơ quan tiếp nhận và thời gian giải quyết các chính sách hỗ trợ theo quy định trên Cổng thông tin điện tử Thành phố, nền tảng Công dân Thủ đô số - iHanoi và Cổng/Trang thông tin điện tử của các sở, ngành liên quan; bảo đảm thuận tiện cho tổ chức, cá nhân trong việc tiếp cận, tìm hiểu và thực hiện.

2. Triển khai chính sách hỗ trợ tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất kinh doanh

2.1. Hỗ trợ đầu tư kết cấu hạ tầng, sử dụng quỹ đất tại khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15

- *Đối tượng thụ hưởng*: Chủ đầu tư hạ tầng (Khu công nghiệp, Vườn ươm công nghệ); Doanh nghiệp thuê đất: Doanh nghiệp công nghệ cao (thuộc khu vực kinh tế tư nhân), Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- *Chính sách và điều kiện*: Nhà nước công bố công khai tiêu chí hỗ trợ và quỹ đất dành riêng cho các đối tượng ưu tiên. Hình thức, trình tự, thủ tục hỗ trợ vốn đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, vườn ươm công nghệ thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công, quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Cơ chế linh hoạt: Quỹ đất dành riêng (trường hợp khu công nghiệp được phân kỳ đầu tư theo các giai đoạn thì diện tích đất khu công nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15 được xác định theo từng giai đoạn) nếu sau 02 năm (kể từ khi hoàn thành đầu tư xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng của từng giai đoạn) không có đối tượng ưu tiên thuê thì chủ đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp được quyền cho doanh nghiệp khác thuê, thuê lại.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách*: Ban quản lý các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp TP. Hà Nội.

2.2. Hoàn trả khoản hỗ trợ giảm tiền thuê lại đất tại khu công nghiệp, cụm công nghiệp, vườn ươm công nghệ theo quy định tại khoản 6 Điều 7 Nghị quyết số 198/2025/QH15

- *Đối tượng thụ hưởng*: Chủ đầu tư hạ tầng (Khu công nghiệp, Vườn ươm công nghệ); Doanh nghiệp thuê lại đất trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp, Vườn ươm công nghệ: Doanh nghiệp công nghệ cao thuộc loại hình kinh tế tư nhân, Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME), Doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Hình thức hoàn trả: Thanh toán bù trừ vào tiền thuê đất chủ đầu tư phải nộp trong năm đối với trường hợp chủ đầu tư trả tiền thuê đất hàng năm và chưa thực hiện nghĩa vụ nộp tiền thuê đất; hoàn trả từ ngân sách đối với trường hợp chủ đầu tư đã nộp đủ hoặc được miễn toàn bộ tiền thuê đất cho cả thời hạn thuê.

+ Nguồn vốn thực hiện: Ngân sách trung ương và địa phương tương ứng với tỷ lệ phần trăm (%) phân chia tiền thuê đất giữa các cấp ngân sách theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Sở Nông nghiệp và Môi trường.

2.3. Hỗ trợ thuê nhà, đất là tài sản công

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Hình thức hỗ trợ:

a) Được cho thuê nhà theo phương thức niêm yết giá theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);

b) Được giảm tiền thuê nhà theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung bởi Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP);

c) Được giảm tiền thuê nhà theo quy định tại điểm b khoản 8 Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Sở Tài chính.

- *Nhiệm vụ cụ thể:* Sở Tài chính căn cứ quy định tại Nghị định số 108/2024/NĐ-CP (được sửa đổi, bổ sung tại Điều 1 Nghị định số 286/2025/NĐ-CP), các khoản 1, 2, 3 và 4 tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 và tình hình thực tế đề xuất, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các khoản 1, 2, 3 và 4 tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.

2.4. Miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp

- *Đối tượng thụ hưởng:* Công ty quản lý Quỹ đầu tư khởi nghiệp sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo, tổ chức trung gian hỗ trợ khởi nghiệp, doanh nghiệp có thu nhập từ cổ phần, góp vốn vào khởi nghiệp sáng tạo, Doanh nghiệp nhỏ và vừa (SME) đăng ký kinh doanh lần đầu.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Miễn/giảm thuế thu nhập doanh nghiệp có thời hạn (tính từ năm có thu nhập chịu thuế hoặc năm thứ 4 có doanh thu).

+ Được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với khoản thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo.

+ SME lần đầu: Miễn thuế 03 năm đầu.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế thành phố Hà Nội.

2.5. Miễn, giảm thuế thu nhập cá nhân

- *Đối tượng thụ hưởng:* Cá nhân có thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp, quyền góp vốn, quyền mua cổ phần, quyền mua phần vốn góp vào doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo được miễn thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập này; Chuyên gia, nhà khoa học làm việc cho doanh nghiệp khởi nghiệp, trung tâm R&D, tổ chức trung gian hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Nhà đầu tư cá nhân: Miễn thuế thu nhập cá nhân từ chuyển nhượng vốn góp (trừ thu nhập từ chứng khoán niêm yết).

+ Chuyên gia/Nhà khoa học: Miễn thuế trong thời hạn 02 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong thời hạn 04 năm tiếp theo đối với thu nhập từ tiền lương/tiền công.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế thành phố Hà Nội.

2.6. Hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nói chung.

- *Chính sách và điều kiện:*

+ Được trích tối đa 20% thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp để lập Quỹ phát triển Khoa học công nghệ, Đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

+ Tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp đối với: Khoản chi phí đào tạo và đào tạo lại nhân lực của doanh nghiệp lớn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia chuỗi; Khoản chi cho hoạt động nghiên cứu và phát triển của doanh nghiệp được thực hiện theo quy định của Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và các văn bản hướng dẫn đối với hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và được tính bằng 200% chi phí thực tế của hoạt động này tại doanh nghiệp.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế thành phố Hà Nội; Sở Khoa học và Công nghệ.

2.7. Hỗ trợ cung cấp miễn phí các nền tảng số, phần mềm kế toán dùng chung

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh.

- *Chính sách và điều kiện:* Nhà nước cung cấp miễn phí nền tảng số tích hợp phần mềm kế toán, hóa đơn điện tử, chữ ký số. Phần mềm đảm bảo các quy định của pháp luật kế toán, pháp luật thuế và pháp luật khác có liên quan, an toàn dữ liệu, có khả năng kết nối hoặc sẵn sàng kết nối thuế.

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Thuế thành phố Hà Nội; Sở Khoa học và Công nghệ (phối hợp hoàn thiện về hạ tầng số, nền tảng số).

2.8. Hỗ trợ miễn phí dịch vụ đào tạo về quản trị doanh nghiệp, kế toán, thuế, nhân sự

- *Đối tượng thụ hưởng:* Doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ; hộ kinh doanh; cá nhân kinh doanh.

- *Chính sách và điều kiện:* Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% tổng chi phí khóa đào tạo quản trị doanh nghiệp (bao gồm cả kế toán, thuế, nhân sự). Quy trình thực hiện theo Nghị định 80/2021/NĐ-CP (Luật Hỗ trợ SME).

- *Cơ quan chủ trì hướng dẫn triển khai chính sách:* Sở Tài chính

IV. NHIỆM VỤ CỤ THỂ CẦN TRIỂN KHAI

Danh mục nhiệm vụ phân công thực hiện tại phụ lục kèm theo.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách Trung ương hỗ trợ (nếu có) và ngân sách Thành phố, tổng hợp kế hoạch và dự toán kinh phí, báo cáo cấp có thẩm quyền bố trí và phân bổ dự toán ngân sách hằng năm cho Sở, ban ngành và bổ sung có mục tiêu cho các xã, phường để thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026 theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan; Xây dựng kế hoạch và dự toán đề xuất ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu để hỗ trợ địa phương thực hiện theo quy định này.

b) Theo dõi, đánh giá kết quả triển khai chính sách, định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, tổng hợp, báo cáo Bộ Tài chính kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026, tổng hợp chung trong báo cáo tình hình triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và tình hình triển khai Nghị quyết 68-NQ/TW ngày 04 tháng 5 năm 2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân;

c) Tăng cường phối hợp các cơ quan, đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, bảo đảm đúng đối tượng, không để xảy ra trục lợi chính sách.

2. Các Sở, ban ngành trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm:

a) Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí ngân sách nhà nước hằng năm thực hiện các chính sách hỗ trợ thuộc ngành, lĩnh vực quản lý theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026, gửi Sở Tài chính tổng hợp.

b) Các Sở, ban ngành, UBND xã phường thực hiện chính sách hỗ trợ theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026, báo cáo kết quả triển khai thực hiện trong năm, gửi Sở Tài chính trước ngày 25 tháng 11 hằng năm tổng hợp báo cáo UBND Thành phố.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Xây dựng kế hoạch, triển khai các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, báo cáo UBND Thành phố (qua Sở Tài chính).

b) Căn cứ khả năng cân đối của xã, phường, Ủy ban nhân dân xã, phường trình Hội đồng nhân dân xã, phường phân bổ dự toán ngân sách địa phương để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân hằng năm trên địa bàn.

c) Căn cứ nhu cầu thực tế và khả năng bố trí của ngân sách xã, phường, xây dựng kế hoạch và dự toán đề xuất ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho xã, phường để hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền.

d) Chịu trách nhiệm thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm thuộc phạm vi quản lý việc thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP theo quy định của pháp luật.

e) Định kỳ trước ngày 25 tháng 11 hằng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện các chính sách hỗ trợ quy định tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP, gửi Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Bộ Tài chính.

4. Trách nhiệm của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh

- Cung cấp thông tin, tài liệu về doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh kịp thời, đầy đủ, chính xác theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức hỗ trợ và chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, tài liệu đã cung cấp.

- Tuân thủ quy định của pháp luật; thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước.

- Thực hiện đúng cam kết với cơ quan, tổ chức hỗ trợ. Bố trí nguồn lực đối ứng để tiếp nhận, phối hợp và tổ chức thực hiện có hiệu quả nguồn lực hỗ trợ.

5. UBND Thành phố đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam Thành phố, hội, hiệp hội doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố phối hợp huy động các nguồn lực thực hiện các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh và cá nhân kinh doanh theo các nội dung tại Kế hoạch này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Thường trực Thành ủy;
- Thường trực HĐND TP;
- Chủ tịch UBND TP;
- Các PCT UBND TP;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị TP;
- UBND các xã, phường;
- VPUB: CVP, các PCVP,
- Các Phòng, Ban, Trung tâm;
- Lưu: VT, KT.

(để b/c)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Xuân Lưu

**Phụ lục: Nhiệm vụ cụ thể triển khai chính sách hỗ trợ quy định
tại Nghị định số 20/2026/NĐ-CP ngày 15/01/2026**
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-UBND ngày /2026
của UBND Thành phố)

STT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm/Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
1	Xây dựng, ban hành Kế hoạch của UBND Thành phố triển khai Nghị định 20/2026/NĐ-CP	Kế hoạch của UBND TP	Quý I/2026	Sở Tài chính	Sở Tài chính, các sở, ban ngành liên quan
2	Tuyên truyền, phổ biến Nghị quyết số 198/2025/QH15 và Nghị định 20/2026/NĐ-CP	Tài liệu tuyên truyền; chuyên trang điện tử; hội nghị phổ biến	Quý I–II/2026 và thường xuyên	Các sở, ban ngành, UBND xã, phường	
3	Rà soát, công khai các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh	Danh mục chính sách, hướng dẫn công khai trên Cổng TTĐT, nền tảng iHanoi	Quý I/2026	Các sở, ban ngành, UBND xã, phường	
4	Rà soát quỹ đất, mặt bằng sản xuất kinh doanh, hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp để hỗ trợ doanh nghiệp	Báo cáo rà soát quỹ đất; danh mục vị trí đủ điều kiện	Quý II/2026	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Ban QL các Khu công nghệ cao và Khu công nghiệp TP. Hà Nội, Sở Công Thương, UBND xã, phường
5	Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ giảm, hoàn trả tiền thuê đất	Văn bản hướng dẫn; hồ sơ xử lý hỗ trợ	Quý II/2026 và thường xuyên	Sở Nông nghiệp và Môi trường.	Sở Tài chính, Thuế TP
6	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố quy định cụ thể danh mục tài sản công cho thuê, tiêu chí, mức hỗ trợ, hình thức hỗ trợ, trình tự, thủ tục cho thuê đối với từng loại tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 8 Nghị quyết số 198/2025/QH15 và các khoản 1, 2, 3 và 4 tại Điều 6 Nghị định số 20/2026/NĐ-CP.	Nghị quyết của HĐND Thành phố	Quý III/2026	Sở Tài chính	Các sở, ban ngành, UBND xã, phường
7	Triển khai chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Văn bản hướng dẫn; kết quả giải quyết hồ sơ thuế	Quý II/2026 và thường xuyên	Thuế TP Hà Nội	Sở Tài chính

STT	Nội dung nhiệm vụ	Sản phẩm/Dự kiến kết quả	Thời gian thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp
8	Triển khai chương trình hỗ trợ KH&CN, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số theo Quyết định số 5418/QĐ-UBND ngày 01/11/2025	Chương trình/đề án hỗ trợ DN	Quý II–III/2026	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính
9	Hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận Quỹ đầu tư mạo hiểm	Hướng dẫn sử dụng Quỹ; hồ sơ DN được hỗ trợ	Từ Quý III/2026	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
10	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng quản trị doanh nghiệp, chuyển đổi số theo Quyết định số 5418/QĐ-UBND ngày 01/11/2025	Kế hoạch đào tạo; số lớp/số học viên	Quý II–IV/2026 và hằng năm	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ
11	Hỗ trợ đào tạo lao động cho doanh nghiệp, hộ kinh doanh theo Quyết định số 5418/QĐ-UBND ngày 01/11/2025	Danh sách DN, lao động được hỗ trợ	Từ Quý II/2026	Sở Tài chính	UBND xã, phường
12	Cải cách TTHC, số hóa quy trình tiếp nhận hồ sơ hỗ trợ	Quy trình điện tử; tích hợp dịch vụ công	Quý II–IV/2026	Trung tâm phục vụ hành chính công	Văn phòng UBND TP, các sở, ban ngành, UBND xã, phường
13	Theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị định số 20/2026/NĐ-CP	Báo cáo 6 tháng, hằng năm	Định kỳ	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND xã, phường
14	Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách	Kết luận kiểm tra; kiến nghị xử lý	Hằng năm	Các sở, ngành, UBND cấp xã	
15	Tổng hợp khó khăn, vướng mắc, đề xuất điều chỉnh	Báo cáo kiến nghị UBND TP	Thường xuyên	Sở Tài chính	Các sở, ngành, UBND xã, phường